

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/KDTM-ST

Ngày 28-6-2023

V/v *Tranh chấp hợp đồng*

vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân.

Bà Nguyễn Tố Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST-DS ngày 22/5/2023, về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-DS ngày 05/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà C5, bán đảo L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, Chức vụ: Tổng Giám Đốc. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Triệu Thị Hồng H, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện H. (Quyết định uỷ quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019). Vắng mặt. *Người được uỷ quyền lại:* Ông Nguyễn Xuân P, Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H. (Giấy uỷ quyền số 37/GUQ-NHCS ngày 24/5/2023). Có mặt.

Địa chỉ: Khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Ông Lăng Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nông Thị S, sinh năm 1965. Có mặt.

2. Anh Lăng Văn T2, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

- **Người làm chứng:** Bà Hoàng Thu H, sinh năm 1981. Cán bộ tín dụng công tác tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2023, các bản khai, tài liệu chứng cứ cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn - Phòng giao dịch huyện H (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Căn cứ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngày 10/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (sau đây gọi tắt là UBND), ngày 13/11/2012 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H đã giải ngân cho hộ ông Lăng Văn T (thuộc diện các đối tượng chính sách khác được thụ hưởng chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh tại vùng khó khăn - là đối tượng thuộc diện và đủ điều kiện cho vay vốn theo quy định của Ngân hàng) số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 13/11/2017, mục đích sử dụng tiền vay để trồng rừng Keo, Bạch Đàn. Tài sản đảm bảo tiền vay không có (cho vay tín chấp, uỷ thác qua Đoàn thanh niên xã H, huyện Hữu Lũng). Ông Lăng Văn T đại diện cho hộ gia đình đã có đơn và được tổ tín dụng, UBND xã bình xét; Ngân hàng phê duyệt, thực hiện việc cấp tín dụng trực tiếp tại điểm giao dịch xã H trước sự chứng kiến của tổ tiết kiệm vay vốn cùng đại diện đoàn thể.

Do người vay không trả được nợ, Ngân hàng đã gia hạn nợ thêm 24 tháng theo đề nghị; tuy nhiên đến ngày 13/11/2019, hộ ông Lăng Văn T vẫn không trả được nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý thu hồi nợ. Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và phối hợp cùng với UBND xã H, tổ chức hội nhận uỷ thác cấp xã, tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều lần thông báo bằng văn bản và làm việc trực tiếp, yêu cầu ông Lăng Văn T thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên đến nay không có kết quả.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu hộ gia đình ông Lăng Văn T:

- Thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (28/6/2023) là 31.374.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 20.000.000 đồng và nợ lãi chậm trả kể từ ngày 13/5/2019 tính đến ngày 28/6/2023 là 11.374.000 đồng.

- Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo mức lãi xuất phạt quy định trong hợp đồng cho vay là 1,17%/tháng/tiền nợ gốc kể từ ngày 29/6/2023 cho đến khi ông Lăng Văn T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Lãng Văn T trình bày: Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện bởi bản thân ông và gia đình không được vay tiền. Việc anh Nguyễn Văn D (là Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn S, nay là thôn N) làm hồ sơ vay tiền như thế nào thì gia đình ông không biết; các chữ ký, chữ viết trong hồ sơ vay vốn không phải của ông, vợ và con trai ông cũng không liên quan; bản thân ông cũng không được nhận tiền.

Anh Nguyễn Văn D sau khi bỏ trốn vào miền Nam có gọi điện về và thú nhận có lấy tên của ông để vay 20.000.000 đồng, đề nghị ông có khả năng thì trả hộ sau này sẽ trả lại cho ông. Tại phiên Tòa xét xử Nguyễn Văn D tháng 01/2021, gia đình ông cũng đã trình bày là anh Dũng phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị S và anh Lãng Văn T2: Đồng ý, nhất trí với lời trình bày của ông Lãng Văn T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đều đảm bảo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu quan điểm đề xuất về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 16, 19, 117, 118, 119, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Buộc ông Lãng Văn T và bà Nông Thị S, anh Lãng Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng số tiền 31.374.000 đồng (trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng; lãi trong hạn, lãi quá hạn 11.374.000 đồng) và tiền lãi phát sinh 1,17%/tháng/nợ gốc từ ngày 29/6/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Áp dụng khoản 1 Điều 147, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 08/11/2012, nguyên đơn cấp tín dụng cho hộ gia đình ông Lãng Văn T, trong đó Ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, tín chấp thông qua tổ chức hội theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; cấp tín dụng với mục đích sử dụng là trồng rừng Keo, Bạch Đàn nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Giao dịch giữa các bên thực hiện tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H, bị đơn có địa chỉ tại Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị S và anh Lãng Văn T2 là thành viên của hộ gia đình ông Lãng Văn T đã cùng vay vốn của Ngân hàng chính sách mục đích phát triển kinh tế, vì lợi ích chung của hộ gia đình. Căn cứ quy định tại Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005: “..... *Giao dịch dân sự do người đại diện của hộ gia đình xác lập, thực hiện vì lợi ích chung của hộ làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cả hộ gia đình*” và Giấy ủy quyền ngày 10/11/2017, xác định bà Nông Thị S và anh Lãng Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Lãng Văn T trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Tại phiên tòa, vắng mặt anh Lãng Văn T2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Xét việc vắng mặt anh Lãng Văn T2 không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xem xét tính hợp pháp của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay: Tại thời điểm xác lập giấy tờ có liên quan, chủ thể cho vay là tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp; cá nhân giao kết là ông Lãng Văn T thực hiện theo ủy quyền đại diện hộ gia đình - là những người có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự nên có quyền tự thỏa thuận, ký kết hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 2 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng đã thực hiện đúng quy trình từ khâu nhận đơn đến phê duyệt và đề nghị của tổ vay vốn tiết kiệm của xã đến khi Ngân hàng cấp tín dụng trước sự chứng kiến của đại diện các đoàn thể, tổ vay vốn cấp tại điểm giao dịch xã H.

[5] Theo Sổ vay vốn, Phiếu chi ngày 13/11/2012 thì số tiền gốc được giải ngân cho ông Lãng Văn T trực tiếp ký nhận là 20.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Hoàng Thị Hương là cán bộ tín dụng kiêm kho quỹ xác nhận đã được trực tiếp giao tiền cho ông Lãng Văn T tại điểm

giao dịch xã H vào ngày 13/11/2012. Sau đó, tuy được gia hạn 02 năm kể từ 13/11/2017, nhưng hộ gia đình ông Lăng Văn T không trả được nợ, Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn từ ngày 14/11/2019. Quá trình sử dụng vốn, ông Lăng Văn T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ lãi là 14.046.831 đồng, sau đó không thanh toán nữa nên đã vi phạm cam kết và Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ (các thông báo nợ đến hạn, quá hạn ngày 15/4/2020, 30/11/2021, 15/4/2023; Biên bản làm việc ngày 15/11/2022, 15/3/2023).

[6] Đối với số tiền lãi trong hạn được tính theo thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng 10,8%/năm là không vượt quá trần lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm giao kết. Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn, tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có thỏa thuận tự nguyện về mức lãi suất quá hạn bằng 130% lãi trong hạn tương ứng 14,04%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Lãi trong hạn của khoản vay ông Lăng Văn T đã trả đến hết ngày 12/5/2019, đồng thời phía Ngân hàng đã chấp thuận gia hạn 02 năm kể từ 13/11/2017 đến ngày 13/11/2019. Do vậy, việc Ngân hàng yêu cầu người vay thanh toán lãi trong hạn thời điểm từ ngày 13/5/2019 đến 13/11/2019 x lãi suất 0,9%/tháng x nợ gốc 20.000.000 đồng = 1.080.000 đồng và lãi quá hạn tính kể từ ngày 14/11/2019 đến ngày 28/6/2023 x lãi suất 1,17%/tháng x nợ gốc 20.000.000 đồng = 10.294.000 đồng là đúng theo các thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về việc bị đơn và người liên quan cho rằng các chữ ký, chữ viết trong hồ sơ vay vốn không phải do tự danh là không có căn cứ bởi:

[8] – Tại Bản án số 02/2021/HS-ST ngày 27/01/2021 đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn D về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó đã xác định: Ông Lăng Văn T đại diện gia đình làm thủ tục vay vốn Ngân hàng chính sách, đến ngày 13/11/2012 được giải ngân 20.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền ông Lăng Văn T cho Nguyễn Văn D vay lại 15.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận Dững có trách nhiệm hàng tháng trả lãi và đến hạn phải trả gốc cho Ngân hàng chính sách. Đến hạn trả nợ tháng 11/2017, Nguyễn Văn D không trả nợ cho Ngân hàng mà làm thủ tục gia hạn, nhờ ông Lăng Văn T ký hồ sơ và được Ngân hàng gia hạn 02 năm, bị cáo Dững sau đó không trả nợ Ngân hàng chính sách mà chiếm đoạt số tiền này. Đây là những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong Bản án đã có hiệu lực pháp luật do bị cáo Nguyễn Văn D và ông Lăng Văn T không có kháng cáo nên không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] - Tại Kết luận giám định số 28/LLGD-PC09 ngày 14/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, đã thể hiện nội dung: kết luận: *“Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Lăng Văn T trên các tài liệu cần giám định gồm Sổ vay vốn và tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 08/11/2012; Phiếu chi đề ngày*

13/11/2012 so với chữ ký, chữ viết của Lăng Văn T trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết họ tên mang tên Nông Thị S trên các tài liệu cần giám định là Sổ vay vốn và tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ so với chữ ký, chữ viết của Nông Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra”.

[10] Ngoài ra ông Lăng Văn T cũng thừa nhận, Nguyễn Văn D là em rể trong họ và trước đó ông đã từng cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để đứng ra thế chấp vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và xác nhận tại phần Quyết định của Bản án nêu trên đã tuyên Nguyễn Văn D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc đã chiếm đoạt và lãi suất phát sinh cho ông 16.000.000 đồng và lãi suất chậm trả thi hành án.

[11] Khẳng định, hợp đồng tín dụng được ký kết và thực hiện bởi các chủ thể đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, có nội dung không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của các Điều 16, 19, 116, 117, 118, 119, 398, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên đảm bảo các điều kiện để hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hộ gia đình ông Lăng Văn T phải trả số tiền gốc + lãi trong hạn + lãi quá hạn như nêu trên là có cơ sở, được chấp nhận.

[12] Ngoài ra, việc Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình ông Lăng Văn T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi suất phạt hợp đồng (130% lãi xuất cho vay) tương ứng 1,17%/tháng/trên nợ gốc chưa trả, tính kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, trong đó quy định: *“Đối với trường hợp người vay chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì Tòa án cần quyết định bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong”.*

[13] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền nợ phải thanh toán là 1.568.700 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuy nhiên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí do ông Lăng Văn T thuộc trường hợp người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí.

[14] Lời phát biểu và quan điểm, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng phù hợp với các nhận định, căn cứ đánh giá giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[15] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 16, 19, 117, 118, 119, 463, 465, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Điều 2 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn - Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Lạng Sơn:

1. Buộc bị đơn ông Lăng Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị S, anh Lăng Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn - Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn ngày 08/11/2012, phê duyệt ngày 12/11/2012; sổ vay vốn mã khách hàng 160423; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ mã món vay: SXKD 160423, đã ký kết, thực hiện giữa các bên, cụ thể:

- Số tiền nợ gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

- Số tiền lãi trong hạn chưa trả 1.080.000đ (một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng);

- Số tiền lãi quá hạn 10.294.000đ (mười triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn đồng).

Tổng 31.374.000đ (ba mươi một triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

Phương thức, thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần toàn bộ khoản nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn - Phòng giao dịch huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (bắt đầu từ ngày 29/6/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn 1,17%/tháng (14,04%/năm)/nợ gốc theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Án phí: Bị đơn ông Lăng Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường